

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

AN TÂM SONG HÀNH

Quyền lợi bảo hiểm cơ bản



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- **Nhận 1.000.000.000 đồng hoặc giá trị Tài khoản hợp đồng** khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 200.000.000 đồng hoặc 500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí.**

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH



- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 433.903.400 đồng *** Tổng Thường Duy trì hợp đồng và Thường Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 100% giá trị Tài khoản hợp đồng** khi đáo hạn hợp đồng.

* Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng kế hoạch bảo hiểm



Thông tin của Quỹ Liên kết chung



Ứng dụng **Dai-ichi Connect** hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

🏢 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

📠 Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

✉ Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Nguyễn Văn A	Nam	37	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	Trần Ngọc B	Nữ	30	1
Người được song hành bảo vệ	NDBH.2	Nguyễn Văn A	Nam	37	1

THÔNG TIN CHUNG

Sản phẩm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (1) (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính				
NDBH.1 - Trần Ngọc B Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành <i>Quyền lợi bảo hiểm cơ bản</i>	70	40	1.000.000.000	17.990.000
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ				
NDBH.1 - Trần Ngọc B BH Tai Nạn Cao Cấp	45	40	300.000.000	960.000
BH Hỗ Trợ Viện Phí (3)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng

Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến

Năm

Nửa năm

Quý

Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	19.175.000	9.587.500	4.793.800
• Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Tâm Song Hành	17.990.000	8.995.000	4.497.500
• Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	1.185.000	592.500	296.300
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	10.825.000		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (2)	30.000.000		

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ lớn hơn 0.*
- Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang “Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm”.*
- Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang “Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ thay đổi hàng năm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.*

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

PHÍ BẢO HIỂM (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ THAY ĐỔI HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lần gia hạn Hợp đồng	Tham gia đầu tiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
BH Hỗ Trợ Viện Phí	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	290	290	290	290

Lần gia hạn Hợp đồng	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
BH Hỗ Trợ Viện Phí	290	350	350	350	350	350	420	420	420	420	420	500	500	500	500

Lần gia hạn Hợp đồng	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44
BH Hỗ Trợ Viện Phí	500	700	700	700	700	700	900	900	900	900	900	1.100	1.100	1.100	1.100

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

GTTKHD: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do Tai nạn	Nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD.
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn trước tuổi 66 <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này</i>	Thêm 200.000.000 đồng
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66 <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này</i>	Thêm 500.000.000 đồng.
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD.
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong <i>Điều kiện:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và</i><i>Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm</i>	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ (Trước khi NĐBH chính đạt 66 tuổi)	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn trước tuổi 66</i>	Nhận 200.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66</i>	Nhận 500.000.000 đồng.

Quyền lợi Đảm bảo tăng STBH	NĐBH chính kết hôn/sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/2/3, Cao đẳng hoặc Đại học <i>Điều kiện: NĐBH chưa đạt 50 tuổi và chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào. Yêu cầu phải được nộp trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện này.</i>	Yêu cầu tăng thêm tối đa 50% Số tiền bảo hiểm và không vượt quá 500 triệu đồng mà không cần thẩm định lại sức khỏe.				
QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ						
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, Bên mua bảo hiểm hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đầu tư được công bố có thể tăng/giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung nhưng trong mọi trường hợp sẽ được đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:					
	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
QUYỀN LỢI KHÁC	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI				
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và vào (các) Ngày kỷ niệm năm hợp đồng liên sau khi kết thúc mỗi 2 Năm hợp đồng sau đó. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 24 tháng liên kể trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>	Nhận 2% GTTKHD trung bình của 24 tháng liên kể trước thời điểm xem xét tương ứng.				
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 120 tháng liên kể trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>	Nhận 10% GTTKHD trung bình của 120 tháng liên kể trước thời điểm xem xét tương ứng.				
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. <i>Điều kiện: Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liên trước Ngày đáo hạn hợp đồng.</i>	Nhận 100% GTTKHD.				

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
<i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.</i>		

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Khoản 3 Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

- Phí bảo hiểm cơ bản** Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong Chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận khác (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có).
- Phí bảo hiểm đóng thêm** Là khoản tiền được đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm cơ bản tính đến hết Năm hợp đồng hiện hành.
- Phí đem đi đầu tư** Là số tiền còn lại của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Số tiền này sẽ được đem đi đầu tư vào Quỹ Liên kết chung
- Phí ban đầu**
(Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ sung/bổ trợ) Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ sung/bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%
- Phí bảo hiểm rủi ro (Phí rủi ro)** Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ sung/bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.
- Phí quản lý hợp đồng** Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo bảng sau:

Năm dương lịch	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000
- Phí quản lý quỹ** Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/năm để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

- **Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng** Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.
- **Phí tạm ứng** Là số tiền phát sinh từ các khoản tạm ứng tích lũy, và được áp dụng theo mức lãi suất cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm và các khoản phí đóng thêm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Dai-ichi Life Việt Nam sử dụng Quỹ Liên kết chung để đầu tư với chính sách đầu tư thận trọng, tập trung chủ yếu vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư an toàn khác. Thông tin về Quỹ Liên kết chung sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.

Đơn vị nhận ủy thác: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam - DFVN

Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất của Quỹ Liên kết chung:

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố	5,0% - 5,7%	4,5% - 5,3%	4,0% - 5,1%	3,5% - 5,0%	3,4% - 5,0%

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến (*)
1	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	569	2.404	2.404
2	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	614	2.423	2.422
3	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	662	2.438	2.435
4	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	703	2.466	2.461
5	19.175	10.825	30.000	1.918	217	2.134	17.258	10.609	27.866	720	2.486	2.475
6	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.517	2.500
7	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.563	2.536
8	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.621	2.582
9	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.684	2.627
10	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.758	2.678
11	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.791	2.672
12	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	2.916	2.748
13	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	2.960	2.728
14	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.003	2.696
15	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.015	2.611
16	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.042	2.523

17	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.072	2.402
18	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.086	2.244
19	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.046	1.980
20	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	3.040	1.727
21	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	2.729	1.158
22	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.739	1.217
23	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.596	1.217
24	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.512	1.217
25	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.293	1.217
26	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	2.151	1.217
27	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.920	1.284
28	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.716	1.284
29	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.321	1.284
30	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.284	1.284
31	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	1.284	1.284
32	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
33	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
34	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
35	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
36	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	1.452	1.452
37	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	1.620	1.620
38	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	1.620	1.620
39	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	1.620	1.620
40	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	1.620	1.620
41										720	1.620	1.620
42										720	1.788	1.788

43										720	1.788	1.788
44										720	1.788	1.788
45										720	1.788	1.788
46										720		
47										720		
48										720		
49										720		
50										720		
51										720		
52										720		
53										720		
54										720		
55										720		
56										720		
57										720		
58										720		
59										720		
60										720		
61										720		
62										720		
63										720		
64										720		
65										720		
66										720		
67										720		
68										720		

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

69										720		
70										720		

(*) Tại lãi suất đầu tư dự kiến là 4,6%/năm cho 20 Năm hợp đồng đầu tiên và tại lãi suất đầu tư cam kết kể từ Năm hợp đồng thứ 21 trở về sau.

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau						
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	
1	30.000	15.402	1.000.000		12.843	1.000.000		13.065	
2	30.000	24.031	1.000.000		34.543	1.000.000		35.692	
3	30.000	24.990	1.000.000		57.591	1.000.000		60.300	
4	30.000	25.949	1.000.000	1.412	83.418	1.000.000	1.471	88.445	
5	30.000	27.866	1.000.000		110.270	1.000.000		118.387	
6	30.000	29.317	1.000.000	2.501	141.607	1.000.000	2.670	153.869	
7	30.000	29.317	1.000.000		171.023	1.000.000		188.275	
8	30.000	29.317	1.000.000	3.717	204.687	1.000.000	4.071	228.288	
9	30.000	29.317	1.000.000		235.242	1.000.000		266.024	
10	30.000	29.317	1.000.000	18.130	284.463	1.000.000	19.975	325.420	
11	30.000	29.317	1.000.000		313.388	1.000.000		367.578	
12	30.000	29.315	1.000.000	6.562	349.036	1.000.000	7.664	419.261	
13	30.000	29.315	1.000.000		378.434	1.000.000		465.677	
14	30.000	29.315	1.000.000	7.863	415.947	1.000.000	9.631	523.892	
15	30.000	29.315	1.000.000		445.960	1.000.000		575.241	
16	30.000	29.315	1.000.000	9.202	483.081	1.000.000	11.828	640.871	
17	30.000	29.314	1.000.000		511.155	1.000.000		697.813	
18	30.000	29.314	1.000.000	10.516	549.870	1.000.000	14.285	771.822	

19	30.000	29.314	1.000.000		578.304	1.000.000		835.221	
20	30.000	29.314	1.000.000	57.861	664.747	1.000.000	77.489	979.285	
21	30.000	29.314	1.000.000		694.073	1.011.759		1.011.759	
22	30.000	29.313	1.000.000	14.175	737.710	1.064.866	20.532	1.064.866	
23	30.000	29.313	1.000.000		767.533	1.097.708		1.097.708	
24	30.000	29.313	1.000.000	15.646	813.235	1.152.964	22.251	1.152.964	
25	30.000	29.313	1.000.000		843.739	1.186.246		1.186.246	
26	30.000	29.313	1.000.000	17.159	889.518	1.240.664	24.006	1.240.664	
27	30.000	29.311	1.000.000		918.483	1.271.143		1.271.143	
28	30.000	29.311	1.000.000	18.664	966.388	1.327.416	25.717	1.327.416	
29	30.000	29.311	1.000.000		996.145	1.358.112		1.358.112	
30	30.000	29.311	1.046.230	20.217	1.046.230	1.416.342	27.457	1.416.342	
31	30.000	29.311	1.076.223		1.076.223	1.447.260		1.447.260	
32	30.000	29.307	1.127.936	21.818	1.127.936	1.507.323	29.239	1.507.323	
33	30.000	29.307	1.157.962		1.157.962	1.538.297		1.538.297	
34	30.000	29.307	1.211.515	23.453	1.211.515	1.600.409	31.061	1.600.409	
35	30.000	29.307	1.241.749		1.241.749	1.631.615		1.631.615	
36	30.000	29.307	1.297.188	25.129	1.297.188	1.695.827	32.927	1.695.827	
37	30.000	29.303	1.327.464		1.327.464	1.727.100		1.727.100	
38	30.000	29.303	1.384.659	26.844	1.384.659	1.793.287	34.837	1.793.287	
39	30.000	29.303	1.415.154		1.415.154	1.824.804		1.824.804	
40	30.000	29.303	1.474.323	28.598	1.474.323	1.893.190	36.791	1.893.190	
41			1.475.665		1.475.665	1.895.580		1.895.580	
42			1.476.843		1.476.843	1.897.807		1.897.807	
43			1.478.024		1.478.024	1.900.041		1.900.041	
44			1.479.207		1.479.207	1.902.279		1.902.279	

45			1.480.394		1.480.394	1.904.524		1.904.524	
46			1.483.374		1.483.374	1.908.564		1.908.564	
47			1.486.362		1.486.362	1.912.614		1.912.614	
48			1.489.357		1.489.357	1.916.675		1.916.675	
49			1.492.359		1.492.359	1.920.746		1.920.746	
50			1.495.369		1.495.369	1.924.827		1.924.827	
51			1.498.386		1.498.386	1.928.918		1.928.918	
52			1.501.412		1.501.412	1.933.019		1.933.019	
53			1.504.444		1.504.444	1.937.131		1.937.131	
54			1.507.484		1.507.484	1.941.253		1.941.253	
55			1.510.532		1.510.532	1.945.385		1.945.385	
56			1.513.587		1.513.587	1.949.527		1.949.527	
57			1.516.650		1.516.650	1.953.680		1.953.680	
58			1.519.721		1.519.721	1.957.843		1.957.843	
59			1.522.799		1.522.799	1.962.017		1.962.017	
60			1.525.885		1.525.885	1.966.201		1.966.201	
61			1.528.979		1.528.979	1.970.396		1.970.396	
62			1.532.080		1.532.080	1.974.601		1.974.601	
63			1.535.190		1.535.190	1.978.816		1.978.816	
64			1.538.307		1.538.307	1.983.042		1.983.042	
65			1.541.431		1.541.431	1.987.279		1.987.279	
66			1.544.564		1.544.564	1.991.526		1.991.526	
67			1.547.704		1.547.704	1.995.784		1.995.784	
68			1.550.853		1.550.853	2.000.052		2.000.052	
69			1.554.009		1.554.009	2.004.331		2.004.331	
70			1.557.173		1.557.173	2.008.621		2.008.621	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến (*)
1	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	569	2.404	2.404
2	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	614	2.423	2.422
3	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	662	2.438	2.435
4	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	703	2.466	2.461
5										720	2.531	2.521
6										720	2.616	2.602
7										720	2.730	2.710
8										720	2.863	2.836
9										720	3.024	2.990
10										720	3.205	3.162
11										720	3.407	3.352
12										720	3.676	3.606
13										720	3.902	3.816
14										720	4.122	4.018
15										720	4.363	4.239
16										720	4.608	4.461

17										720	4.907	4.735
18										720	5.188	4.989
19										720	5.494	5.263
20										720	5.823	5.559
21										720	6.189	5.893
22										720	6.649	6.329
23										720	7.108	6.760
24										720	(**)	7.238
25										720		7.736
26										720		8.255
27										720		8.845
28										720		9.362
29										720		9.892
30												(**)

(*) Tại lãi suất đầu tư dự kiến là 4,6%/năm cho 20 Năm hợp đồng đầu tiên và tại lãi suất đầu tư cam kết kể từ Năm hợp đồng thứ 21 trở về sau.

(**) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau						
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	
1	30.000	15.402	1.000.000		12.843	1.000.000		13.065	
2	30.000	24.031	1.000.000		34.543	1.000.000		35.692	
3	30.000	24.990	1.000.000		57.591	1.000.000		60.300	
4	30.000	25.949	1.000.000	1.412	83.418	1.000.000	1.471	88.445	
5			1.000.000		81.801	1.000.000		89.193	
6			1.000.000		80.065	1.000.000		89.892	
7			1.000.000		78.179	1.000.000		90.512	
8			1.000.000		76.122	1.000.000		91.031	
9			1.000.000		73.860	1.000.000		91.417	
10			1.000.000		71.369	1.000.000		91.645	
11			1.000.000		67.933	1.000.000		91.688	
12			1.000.000		64.193	1.000.000		91.473	
13			1.000.000		60.188	1.000.000		91.032	
14			1.000.000		55.922	1.000.000		90.364	
15			1.000.000		51.371	1.000.000		89.440	
16			1.000.000		46.285	1.000.000		88.245	
17			1.000.000		40.875	1.000.000		86.714	
18			1.000.000		35.155	1.000.000		84.853	

19			1.000.000		29.100	1.000.000		82.625	
20			1.000.000		22.685	1.000.000		79.992	
21			1.000.000		15.871	1.000.000		73.761	
22			1.000.000		8.562	1.000.000		67.062	
23			1.000.000		755	1.000.000		59.897	
24			(*)			1.000.000		52.217	
25						1.000.000		43.999	
26						1.000.000		35.121	
27						1.000.000		25.631	
28						1.000.000		15.600	
29						1.000.000		5.012	
30						(*)			

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI: Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại	Năm hợp đồng	Trường hợp đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến		Trường hợp đóng Phí bảo hiểm trong thời gian bắt buộc	
		Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
	1	-	-	-	-
	2	17.285.400 đồng	18.434.100 đồng	17.285.400 đồng	18.434.100 đồng
	3	40.333.100 đồng	43.042.400 đồng	40.333.100 đồng	43.042.400 đồng
	4	69.037.000 đồng	74.063.900 đồng	69.037.000 đồng	74.063.900 đồng
	5	95.888.600 đồng	104.006.000 đồng	67.419.600 đồng	74.811.200 đồng
	6	127.225.600 đồng	139.487.300 đồng	65.683.500 đồng	75.510.200 đồng
	7	159.518.300 đồng	176.769.800 đồng	66.674.200 đồng	79.006.900 đồng
	8	197.016.500 đồng	220.617.900 đồng	68.451.600 đồng	83.361.400 đồng
	9	231.407.000 đồng	262.189.300 đồng	70.024.800 đồng	87.582.400 đồng
Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.					
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN	Tổng số phí đóng dự kiến	1.200.000.000 đồng		120.000.000 đồng	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0 đồng		0 đồng	
	Số tiền nhận khi đáo hạn	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
		1.557.172.900 đồng	2.008.621.300 đồng	0 đồng HD mất hiệu lực năm 24	0 đồng HD mất hiệu lực năm 30

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở cột “Tổng Phí bảo hiểm” đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, Phí bảo hiểm đóng thêm và Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
- Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ giá trị Tài khoản hợp đồng và Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong minh họa này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Khoản khấu trừ chi phí hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của Khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị Tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá trị Tài khoản hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được tính tại Tài liệu minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Lãi suất này chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được hiện thực hóa khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các giá trị trong Tài liệu minh họa bán hàng này là không cam kết và chỉ nhằm mục đích minh họa.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và việc tham gia này có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Việc Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.
- 2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.
- 3- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn
A

Đại lý bảo hiểm: Product
Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các trang và các trang có cùng số tài liệu minh họa.

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

AN TÂM SONG HÀNH

Quyền lợi bảo hiểm nâng cao



BẢO VỆ TÀI CHÍNH



- **Nhận 1.000.000.000 đồng cộng giá trị Tài khoản hợp đồng** khi Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.
- **Nhận 200.000.000 đồng hoặc 500.000.000 đồng** khi tử vong do tai nạn hoặc tử vong do tai nạn đặc biệt.
- **Song hành bảo vệ mà không tăng phí.**

TÍCH LŨY TÀI CHÍNH



- Hưởng kết quả đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết.
- **Nhận 404.872.300 đồng *** Tổng Thường Duy trì hợp đồng và Thường Gắn bó dài lâu.
- **Nhận 100% giá trị Tài khoản hợp đồng** khi đáo hạn hợp đồng.

* Các giá trị trên đây được minh họa tại mức lãi suất đầu tư dự kiến

SCAN QR CODE ĐỂ THAM KHẢO THÊM THÔNG TIN



Trang thông tin sản phẩm (bao gồm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm)



Công cụ tính phí - Xây dựng kế hoạch bảo hiểm



Thông tin của Quỹ Liên kết chung



Ứng dụng **Dai-ichi Connect** hỗ trợ quản lý hợp đồng

THÔNG TIN LIÊN HỆ

🏢 Trung tâm Dịch vụ Khách hàng: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

☎ Hotline: (028) 3810 0888 - Bấm phím 1

📠 Fax: (028) 3997 3000

🌐 Website: <https://dai-ichi-life.com.vn>

✉ Email: customer.services@dai-ichi-life.com.vn



TRANG THÔNG TIN

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe, Tái bảo hiểm và Đầu tư vốn theo Giấy phép đầu tư số 2134/GP do Bộ KH - ĐT cấp ngày 12/10/1999 và Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2007; Vốn điều lệ: gần 9.800 tỷ đồng; Trụ sở chính: Tòa nhà Dai-ichi Life, 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

		Họ và tên	Giới tính	Tuổi tham gia bảo hiểm	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm	BMBH	Nguyễn Văn A	Nam	37	1
Người được bảo hiểm chính	NDBH.1	Trần Ngọc B	Nữ	30	1
Người được song hành bảo vệ	NDBH.2	Nguyễn Văn A	Nam	37	1

THÔNG TIN CHUNG

Sản phẩm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí dự kiến (1) (năm)	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm cơ bản (đồng/năm)
Sản phẩm chính				
NDBH.1 - Trần Ngọc B Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành <i>Quyền lợi bảo hiểm nâng cao</i>	70	40	1.000.000.000	17.990.000
Sản phẩm bổ sung/bổ trợ				
NDBH.1 - Trần Ngọc B BH Tai Nạn Cao Cấp	45	40	300.000.000	960.000
BH Hỗ Trợ Viện Phí (3)	gia hạn hàng năm	gia hạn hàng năm	100.000	225.000

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ THEO ĐỊNH KỲ

Đơn vị tính: đồng

Định kỳ đóng Phí bảo hiểm dự kiến

Năm

Nửa năm

Quý

Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ	19.175.000	9.587.500	4.793.800
• Phí bảo hiểm cơ bản Sản phẩm An Tâm Song Hành	17.990.000	8.995.000	4.497.500
• Phí bảo hiểm cơ bản các sản phẩm bổ sung/bổ trợ	1.185.000	592.500	296.300
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ	10.825.000		
Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ (2)	30.000.000		

Ghi chú:

- Thời hạn đóng phí tối đa bằng Thời hạn bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm cần đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ Năm hợp đồng thứ năm (05) trở đi với điều kiện giá trị Tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi các Khoản nợ lớn hơn 0.*
- Phí bảo hiểm dự tính đóng định kỳ: Là tổng phí bảo hiểm dự tính đóng theo định kỳ bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm. Kế hoạch đóng phí theo định kỳ thể hiện ở bên trên là kế hoạch đóng phí cho năm đầu. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm đóng thêm cho những năm sau sẽ được minh họa ở trang “Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và Quyền lợi bảo hiểm”.*
- Thời hạn bảo hiểm là 01 (một) năm và được gia hạn hàng năm nếu không có bên nào thông báo chấm dứt hiệu lực của sản phẩm bổ sung/bổ trợ này. Phí bảo hiểm của sản phẩm sẽ thay đổi hàng năm vào Ngày gia hạn năm hợp đồng theo tuổi đạt được của Người được bảo hiểm. Tham khảo thêm phí bảo hiểm các năm gia hạn hợp đồng ở trang “Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ thay đổi hàng năm”. Mức phí bảo hiểm này có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.*

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên Đại lý bảo hiểm cá nhân: Product Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

PHÍ BẢO HIỂM (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ THAY ĐỔI HÀNG NĂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Lần gia hạn Hợp đồng	Tham gia đầu tiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
BH Hỗ Trợ Viện Phí	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	225	290	290	290	290

Lần gia hạn Hợp đồng	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
BH Hỗ Trợ Viện Phí	290	350	350	350	350	350	420	420	420	420	420	500	500	500	500

Lần gia hạn Hợp đồng	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44
BH Hỗ Trợ Viện Phí	500	700	700	700	700	700	900	900	900	900	900	1.100	1.100	1.100	1.100

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở trên là tổng Phí bảo hiểm của tất cả những Người được bảo hiểm tham gia của từng sản phẩm bổ sung/bổ trợ.

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH

STBH: Số tiền bảo hiểm

NĐBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

GTTKHD: giá trị Tài khoản hợp đồng

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI
QLBH Tử vong	NĐBH chính tử vong không do Tai nạn	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng với GTTKHD; hoặc nhận giá trị lớn hơn của 1.000.000.000 đồng và GTTKHD nếu tử vong xảy ra từ 70 tuổi trở đi.
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn trước tuổi 66 <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này</i>	Thêm 200.000.000 đồng
	NĐBH chính tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66 <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ chưa nhận quyền lợi này</i>	Thêm 500.000.000 đồng
QLBH Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn	NĐBH chính bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 66	Nhận 1.000.000.000 đồng cộng với GTTKHD
QLBH Chu toàn hậu sự	Ngay khi nhận được yêu cầu giải quyết QLBH tử vong <i>Điều kiện:</i> <ul style="list-style-type: none"><i>Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ ngày hiệu lực hợp đồng hoặc ngày Hợp đồng bảo hiểm được chấp thuận khôi phục gần nhất, tùy ngày nào xảy ra sau; và</i><i>Nguyên nhân tử vong không nằm trong các trường hợp loại trừ bảo hiểm</i>	Ứng trước 10% QLBH Tử vong và tối đa 30 triệu đồng.
QLBH Song hành bảo vệ (Trước khi NĐBH chính đạt 66 tuổi)	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn trước tuổi 66</i>	Nhận 200.000.000 đồng.
	Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt <i>Điều kiện: Người được song hành bảo vệ tử vong do Tai nạn đặc biệt trước tuổi 66</i>	Nhận 500.000.000 đồng

Quyền lợi Đảm bảo tăng STBH	NĐBH chính kết hôn/sinh con; hoặc Con của NĐBH chính vào học cấp 1/2/3, Cao đẳng hoặc Đại học <i>Điều kiện: NĐBH chưa đạt 50 tuổi và chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào. Yêu cầu phải được nộp trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện này.</i>	Yêu cầu tăng thêm tối đa 50% Số tiền bảo hiểm và không vượt quá 500 triệu đồng mà không cần thẩm định lại sức khỏe.				
QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ						
Quyền lợi Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung	Hàng tháng, Bên mua bảo hiểm hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Lãi suất đầu tư được công bố có thể tăng/giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung nhưng trong mọi trường hợp sẽ được đảm bảo không thấp hơn lãi suất cam kết dưới đây:					
	Năm hợp đồng	1	2 - 10	11 - 15	16 - 25	Từ năm thứ 26 trở đi
	Mức lãi suất tối thiểu cam kết (%/năm)	3%	2%	1%	0,50%	0,25%
QUYỀN LỢI KHÁC	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN NHẬN QUYỀN LỢI	QUYỀN LỢI				
Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 4 và vào (các) Ngày kỷ niệm năm hợp đồng liên sau khi kết thúc mỗi 2 Năm hợp đồng sau đó. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 24 tháng liên kể trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>	Nhận 2% GTTKHD trung bình của 24 tháng liên kể trước thời điểm xem xét tương ứng.				
Quyền lợi Thưởng Gắn bó dài lâu	Vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng thứ 10 và 20. <i>Điều kiện: Đóng phí đầy đủ và chưa từng rút tiền từ Tài khoản hợp đồng hoặc Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại trong 120 tháng liên kể trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng xét thưởng.</i>	Nhận 10% GTTKHD trung bình của 120 tháng liên kể trước thời điểm xem xét tương ứng.				
Quyền lợi Đáo hạn	Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. <i>Điều kiện: Hợp đồng bảo hiểm vẫn còn hiệu lực đến hết ngày liên trước Ngày đáo hạn hợp đồng.</i>	Nhận 100% GTTKHD.				

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

Ghi chú: Để biết thêm chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả, vui lòng tham khảo quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

THÔNG TIN QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BỔ SUNG/BỔ TRỢ

STBH: Số tiền bảo hiểm

NDBH: Người được bảo hiểm

QLBH: Quyền lợi bảo hiểm

SẢN PHẨM	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	
BẢO HIỂM TAI NẠN CAO CẤP	QLBH Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do tai nạn	Nhận 100% STBH.
	QLBH Tử vong do tai nạn đặc biệt	Nhận 200% STBH.
	QLBH Thương tật do tai nạn	Nhận tỷ lệ % STBH theo bảng sự kiện và tỷ lệ thanh toán.
	QLBH Hỗ trợ viện phí do tai nạn	Nhận 200.000 đồng cho mỗi ngày nằm viện điều trị nội trú.
BẢO HIỂM HỖ TRỢ VIỆN PHÍ	QLBH Hỗ trợ viện phí	Nhận 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện. Tối đa 20 ngày/đợt nằm viện, 100 ngày/năm hợp đồng không vượt quá 1.000 ngày trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt	Thêm 100% STBH cho mỗi ngày nằm viện điều trị tại khoa/phòng chăm sóc đặc biệt. Tối đa 10 ngày/đợt nằm viện và 50 ngày/năm hợp đồng và không vượt quá 500 ngày nằm viện trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Hỗ trợ chi phí phẫu thuật	Thêm 500% STBH cho mỗi lần nằm viện có phẫu thuật. Tối đa 1 lần phẫu thuật/đợt nằm viện, 5 lần phẫu thuật/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	QLBH Điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn	Thêm 100% STBH cho mỗi lần nằm viện có điều trị tại khoa/phòng cấp cứu do tai nạn. Tối đa 1 lần điều trị/đợt nằm viện, 5 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 20 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
	Hỗ trợ điều trị ngoại trú	100% STBH cho mỗi lần lọc thận hoặc hóa trị/xạ trị ung thư. Tối đa 100 lần điều trị/năm hợp đồng và không vượt quá 1.000 lần điều trị trong suốt thời gian tham gia sản phẩm này.
<i>Lưu ý: Tổng các quyền lợi bảo hiểm được chi trả của sản phẩm này không vượt quá 1.000 lần Số tiền bảo hiểm.</i>		

Ghi chú: Để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện liên quan đến các quyền lợi của các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ nêu trên, vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Dai-ichi Life Việt Nam sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm đã tham gia. Quý khách vui lòng tham khảo thông tin tóm tắt Điều khoản loại trừ bảo hiểm tại Tài liệu giới thiệu sản phẩm và tham khảo nội dung chi tiết tại Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm:

SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN TÂM SONG HÀNH	
• Điều khoản loại trừ bảo hiểm	Tham khảo tại Khoản 3 Điều 2 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ SUNG/BỔ TRỢ	
• Bảo hiểm Tai Nạn Cao Cấp	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.
• Bảo hiểm Hỗ Trợ Viện Phí	Tham khảo tại Điều 3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm các Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm được công khai tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn/> hoặc Quy tắc và Điều khoản được Dai-ichi Life Việt Nam bàn giao cho Khách hàng khi Hợp đồng bảo hiểm được phát hành (nếu có).

CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

- Phí bảo hiểm cơ bản** Là số tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng đủ cho mỗi Năm phí bảo hiểm và được quy định trong Chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận khác (nếu có). Phí bảo hiểm cơ bản bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính và Phí bảo hiểm cơ bản của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ (nếu có).
- Phí bảo hiểm đóng thêm** Là khoản tiền được đóng thêm ngoài Phí bảo hiểm cơ bản tính đến hết Năm hợp đồng hiện hành.
- Phí đem đi đầu tư** Là số tiền còn lại của Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Số tiền này sẽ được đem đi đầu tư vào Quỹ Liên kết chung
- Phí ban đầu**
(Phí ban đầu của sản phẩm chính & Phí ban đầu/ phí khai thác của sản phẩm bổ sung/bổ trợ) Là khoản phí được khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Tài khoản hợp đồng. Với tỷ lệ sau:

Năm phí bảo hiểm	1	2	3	4	5	6+
% Phí bảo hiểm cơ bản (Sản phẩm chính & Sản phẩm bổ sung/bổ trợ)	75%	30%	25%	20%	10%	3%
% Phí bảo hiểm đóng thêm	2%					1%
- Phí bảo hiểm rủi ro (Phí rủi ro)** Là khoản phí khấu trừ hàng tháng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro của Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ sung/bổ trợ. Phí bảo hiểm rủi ro trong Bảng minh họa bên dưới chưa bao gồm phần phí tăng vì tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm.
- Phí quản lý hợp đồng** Là khoản phí khấu trừ hàng tháng liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm. Phí quản lý hợp đồng hàng tháng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo bảng sau:

Năm dương lịch	2024	2025	2026	2027	2028+
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	45.900	49.500	53.400	57.600	60.000
- Phí quản lý quỹ** Tối đa là 2% giá trị Tài khoản hợp đồng/năm để chi trả cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Khoản phí này sẽ được khấu trừ trước khi công bố lãi suất đầu tư.

- **Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn** Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn = Tỷ lệ phí * Trung bình của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó. Tỷ lệ phí như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4 - 6	7	8	9	Từ năm thứ 10 trở đi
Tỷ lệ phí	90%	75%	60%	40%	20%	0%

- **Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng** Là khoản phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu rút tiền từ giá trị Tài khoản hợp đồng. Tỷ lệ phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng bằng với tỷ lệ của phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và được tính trên tỷ lệ giữa khoản tiền Bên mua bảo hiểm yêu cầu rút ra so với Giá trị hoàn lại tại thời điểm rút.
- **Phí tạm ứng** Là số tiền phát sinh từ các khoản tạm ứng tích lũy, và được áp dụng theo mức lãi suất cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ Liên kết chung là quỹ được hình thành từ nguồn phí bảo hiểm và các khoản phí đóng thêm của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Dai-ichi Life Việt Nam sử dụng Quỹ Liên kết chung để đầu tư với chính sách đầu tư thận trọng, tập trung chủ yếu vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các kênh đầu tư an toàn khác. Thông tin về Quỹ Liên kết chung sẽ được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.

Đơn vị nhận ủy thác: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam - DFVN

Lãi suất công bố trong 5 năm gần nhất của Quỹ Liên kết chung:

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Lãi suất công bố	5,0% - 5,7%	4,5% - 5,3%	4,0% - 5,1%	3,5% - 5,0%	3,4% - 5,0%

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến (*)
1	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	569	2.424	2.424
2	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	614	2.473	2.473
3	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	662	2.524	2.524
4	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	703	2.593	2.593
5	19.175	10.825	30.000	1.918	217	2.134	17.258	10.609	27.866	720	2.664	2.664
6	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.754	2.754
7	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	2.874	2.874
8	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.013	3.013
9	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.184	3.184
10	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.373	3.373
11	19.175	10.825	30.000	575	108	684	18.600	10.717	29.317	720	3.583	3.583
12	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	3.858	3.858
13	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.087	4.087
14	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.308	4.308
15	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.548	4.548
16	19.240	10.760	30.000	577	108	685	18.663	10.652	29.315	720	4.788	4.788

17	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.078	5.078
18	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.348	5.348
19	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.638	5.638
20	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	5.948	5.948
21	19.300	10.700	30.000	579	107	686	18.721	10.593	29.314	720	6.288	6.288
22	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	6.716	6.716
23	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	7.136	7.136
24	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	7.597	7.597
25	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	8.066	8.066
26	19.370	10.630	30.000	581	106	687	18.789	10.524	29.313	720	8.546	8.546
27	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	9.084	9.084
28	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	9.534	9.534
29	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	9.984	9.984
30	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	10.484	10.484
31	19.450	10.550	30.000	584	106	689	18.867	10.445	29.311	720	11.084	11.084
32	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	11.992	11.992
33	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	12.942	12.942
34	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	14.082	14.082
35	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	15.372	15.372
36	19.650	10.350	30.000	590	104	693	19.061	10.247	29.307	720	16.742	16.742
37	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	18.330	18.330
38	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	19.750	19.750
39	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	21.210	21.210
40	19.850	10.150	30.000	596	102	697	19.255	10.049	29.303	720	22.850	22.850
41										720	1.620	1.620
42										720	1.788	1.788

43										720	1.788	1.788
44										720	1.788	1.788
45										720	1.788	1.788
46										720		
47										720		
48										720		
49										720		
50										720		
51										720		
52										720		
53										720		
54										720		
55										720		
56										720		
57										720		
58										720		
59										720		
60										720		
61										720		
62										720		
63										720		
64										720		
65										720		
66										720		
67										720		
68										720		

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm **An Tâm Song Hành**

Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung của CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ DAI-ICHI VIỆT NAM

DAI-ICHI LIFE

Gắn bó dài lâu.

69										720		
70										720		

(*) Tại lãi suất đầu tư dự kiến là 4,6%/năm cho 20 Năm hợp đồng đầu tiên và tại lãi suất đầu tư cam kết kể từ Năm hợp đồng thứ 21 trở về sau.

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau						
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HD	Giá trị tài khoản	
1	30.000	15.402	1.012.823		12.823	1.013.044		13.044	
2	30.000	24.031	1.034.471		34.471	1.035.618		35.618	
3	30.000	24.990	1.057.431		57.431	1.060.132		60.132	
4	30.000	25.949	1.083.124	1.409	83.124	1.088.130	1.468	88.130	
5	30.000	27.866	1.109.789		109.789	1.117.864		117.864	
6	30.000	29.317	1.140.867	2.491	140.867	1.153.050	2.659	153.050	
7	30.000	29.317	1.169.954		169.954	1.187.072		187.072	
8	30.000	29.317	1.203.177	3.694	203.177	1.226.563	4.046	226.563	
9	30.000	29.317	1.233.197		233.197	1.263.649		263.649	
10	30.000	29.317	1.281.636	18.009	281.636	1.322.085	19.837	322.085	
11	30.000	29.317	1.309.736		309.736	1.363.156		363.156	
12	30.000	29.315	1.344.325	6.487	344.325	1.413.408	7.574	413.408	
13	30.000	29.315	1.372.544		372.544	1.458.162		458.162	
14	30.000	29.315	1.408.566	7.744	408.566	1.514.227	9.478	514.227	
15	30.000	29.315	1.436.963		436.963	1.563.146		563.146	
16	30.000	29.315	1.472.106	9.019	472.106	1.625.652	11.582	625.652	
17	30.000	29.314	1.498.113		498.113	1.679.153		679.153	
18	30.000	29.314	1.534.232	10.252	534.232	1.748.744	13.906	748.744	

19	30.000	29.314	1.559.988		559.988	1.807.334		807.334	
20	30.000	29.314	1.642.042	56.480	642.042	1.943.790	75.490	943.790	
21	30.000	29.314	1.667.686		667.686	1.970.943		970.943	
22	30.000	29.313	1.706.669	13.642	706.669	2.017.509	19.709	1.017.509	
23	30.000	29.313	1.731.784		731.784	2.044.178		1.044.178	
24	30.000	29.313	1.771.486	14.924	771.486	2.091.691	21.173	1.091.691	
25	30.000	29.313	1.795.992		795.992	2.117.798		1.117.798	
26	30.000	29.313	1.834.285	16.196	834.285	2.163.329	22.629	1.163.329	
27	30.000	29.311	1.855.938		855.938	2.185.804		1.185.804	
28	30.000	29.311	1.894.598	17.403	894.598	2.231.886	24.001	1.231.886	
29	30.000	29.311	1.915.500		915.500	2.253.632		1.253.632	
30	30.000	29.311	1.954.547	18.594	954.547	2.300.288	25.357	1.300.288	
31	30.000	29.311	1.974.497		974.497	2.321.102		1.321.102	
32	30.000	29.307	2.013.356	19.771	1.013.356	2.367.760	26.703	1.367.760	
33	30.000	29.307	2.031.589		1.031.589	2.386.879		1.386.879	
34	30.000	29.307	2.069.636	20.910	1.069.636	2.432.921	28.016	1.432.921	
35	30.000	29.307	2.085.576		1.085.576	2.449.770		1.449.770	
36	30.000	29.307	2.122.171	21.986	1.122.171	2.494.559	29.271	1.494.559	
37	30.000	29.303	2.135.277		1.135.277	2.508.596		1.508.596	
38	30.000	29.303	2.169.971	22.978	1.169.971	2.551.692	30.445	1.551.692	
39	30.000	29.303	2.180.313		1.180.313	2.562.987		1.562.987	
40	30.000	29.303	2.212.913	23.875	1.212.913	2.604.198	31.529	1.604.198	
41			1.213.602		1.213.602	1.605.865		1.605.865	
42			1.214.124		1.214.124	1.607.368		1.607.368	
43			1.214.648		1.214.648	1.608.875		1.608.875	
44			1.215.173		1.215.173	1.610.386		1.610.386	

45			1.215.700		1.215.700	1.611.901		1.611.901	
46			1.218.018		1.218.018	1.615.210		1.615.210	
47			1.220.342		1.220.342	1.618.527		1.618.527	
48			1.222.672		1.222.672	1.621.852		1.621.852	
49			1.225.008		1.225.008	1.625.186		1.625.186	
50			1.227.349		1.227.349	1.628.528		1.628.528	
51			1.229.697		1.229.697	1.631.878		1.631.878	
52			1.232.050		1.232.050	1.635.237		1.635.237	
53			1.234.409		1.234.409	1.638.604		1.638.604	
54			1.236.774		1.236.774	1.641.979		1.641.979	
55			1.239.145		1.239.145	1.645.363		1.645.363	
56			1.241.522		1.241.522	1.648.756		1.648.756	
57			1.243.905		1.243.905	1.652.157		1.652.157	
58			1.246.294		1.246.294	1.655.566		1.655.566	
59			1.248.689		1.248.689	1.658.984		1.658.984	
60			1.251.089		1.251.089	1.662.410		1.662.410	
61			1.253.496		1.253.496	1.665.845		1.665.845	
62			1.255.909		1.255.909	1.669.289		1.669.289	
63			1.258.328		1.258.328	1.672.741		1.672.741	
64			1.260.752		1.260.752	1.676.202		1.676.202	
65			1.263.183		1.263.183	1.679.672		1.679.672	
66			1.265.620		1.265.620	1.683.150		1.683.150	
67			1.268.063		1.268.063	1.686.637		1.686.637	
68			1.270.513		1.270.513	1.690.132		1.690.132	
69			1.272.968		1.272.968	1.693.637		1.693.637	
70			1.275.429		1.275.429	1.697.150		1.697.150	

MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TRƯỜNG HỢP ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI GIẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

I. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Tại lãi suất đầu tư cam kết	Tại lãi suất đầu tư dự kiến (*)
1	19.175	10.825	30.000	14.381	217	14.598	4.794	10.609	15.402	569	2.424	2.424
2	19.175	10.825	30.000	5.753	217	5.969	13.423	10.609	24.031	614	2.473	2.473
3	19.175	10.825	30.000	4.794	217	5.010	14.381	10.609	24.990	662	2.524	2.524
4	19.175	10.825	30.000	3.835	217	4.052	15.340	10.609	25.949	703	2.593	2.593
5										720	2.664	2.664
6										720	2.754	2.754
7										720	2.874	2.874
8										720	3.013	3.013
9										720	3.184	3.184
10										720	3.373	3.373
11										720	3.583	3.583
12										720	3.858	3.858
13										720	4.087	4.087
14										720	4.308	4.308
15										720	4.548	4.548
16										720	4.788	4.788

17										720	5.078	5.078
18										720	5.348	5.348
19										720	5.638	5.638
20										720	5.948	5.948
21										720	6.288	6.288
22										720	6.716	6.716
23										720	(**)	7.136
24										720		7.597
25										720		8.066
26										720		8.546
27										720		9.084
28										720		9.534
29												(**)

(*) Tại lãi suất đầu tư dự kiến là 4,6%/năm cho 20 Năm hợp đồng đầu tiên và tại lãi suất đầu tư cam kết kể từ Năm hợp đồng thứ 21 trở về sau.

(**) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

II. MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tổng phí bảo hiểm	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết			Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến			Khoản tiền rút ra dự kiến
			4,6%/năm cho 20 năm đầu và bằng lãi suất đầu tư cam kết cho năm thứ 21 trở về sau						
			Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV	Thưởng Gắn bó dài lâu + Duy trì HĐ	Giá trị tài khoản	
1	30.000	15.402	1.012.823		12.823	1.013.044		13.044	
2	30.000	24.031	1.034.471		34.471	1.035.618		35.618	
3	30.000	24.990	1.057.431		57.431	1.060.132		60.132	
4	30.000	25.949	1.083.124	1.409	83.124	1.088.130	1.468	88.130	
5			1.081.365		81.365	1.088.716		88.716	
6			1.079.481		79.481	1.089.237		89.237	
7			1.077.438		77.438	1.089.659		89.659	
8			1.075.213		75.213	1.089.958		89.958	
9			1.072.772		72.772	1.090.096		90.096	
10			1.070.090		70.090	1.090.045		90.045	
11			1.066.464		66.464	1.089.778		89.778	
12			1.062.526		62.526	1.089.216		89.216	
13			1.058.318		58.318	1.088.394		88.394	
14			1.053.846		53.846	1.087.308		87.308	
15			1.049.088		49.088	1.085.926		85.926	
16			1.043.811		43.811	1.084.234		84.234	
17			1.038.216		38.216	1.082.167		82.167	
18			1.032.322		32.322	1.079.728		79.728	

19			1.026.109		26.109	1.076.880		76.880	
20			1.019.553		19.553	1.073.584		73.584	
21			1.012.623		12.623	1.066.924		66.924	
22			1.005.230		5.230	1.059.803		59.803	
23			(*)			1.052.224		52.224	
24						1.044.145		44.145	
25						1.035.556		35.556	
26						1.026.366		26.366	
27						1.016.615		16.615	
28						1.006.388		6.388	
29						(*)			

(*) Hợp đồng mất hiệu lực do giá trị Tài khoản hợp đồng không đủ để khấu trừ các chi phí hàng tháng.

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI VÀ TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN

MINH HỌA GIÁ TRỊ HOÀN LẠI: Giá trị hoàn lại là số tiền Khách hàng sẽ nhận được nếu có yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Khách hàng chỉ nhận Giá trị hoàn lại khi Hợp đồng bảo hiểm có Giá trị hoàn lại	Năm hợp đồng	Trường hợp đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến		Trường hợp đóng Phí bảo hiểm trong thời gian bắt buộc	
		Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến
	1	-	-	-	-
	2	17.213.900 đồng	18.360.500 đồng	17.213.900 đồng	18.360.500 đồng
	3	40.173.300 đồng	42.874.300 đồng	40.173.300 đồng	42.874.300 đồng
	4	68.742.200 đồng	73.748.400 đồng	68.742.200 đồng	73.748.400 đồng
	5	95.407.500 đồng	103.482.500 đồng	66.984.100 đồng	74.334.700 đồng
	6	126.485.500 đồng	138.668.300 đồng	65.099.900 đồng	74.855.600 đồng
	7	158.449.200 đồng	175.567.000 đồng	65.933.100 đồng	78.153.900 đồng
	8	195.507.000 đồng	218.892.600 đồng	67.543.400 đồng	82.287.600 đồng
	9	229.362.300 đồng	259.814.400 đồng	68.936.900 đồng	86.260.500 đồng
Từ Năm hợp đồng thứ 10 trở đi Giá trị hoàn lại bằng với giá trị Tài khoản hợp đồng.					
TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN	Tổng số phí đóng dự kiến	1.200.000.000 đồng		120.000.000 đồng	
	Tổng số tiền rút dự kiến	0 đồng		0 đồng	
	Số tiền nhận khi đáo hạn	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết 1.275.429.300 đồng	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến 1.697.149.900 đồng	Giá trị minh họa đảm bảo tại lãi suất đầu tư cam kết 0 đồng HD mất hiệu lực năm 23	Giá trị minh họa không đảm bảo tại lãi suất đầu tư dự kiến 0 đồng HD mất hiệu lực năm 29

Ghi chú:

- Số tiền thể hiện ở cột “Tổng Phí bảo hiểm” đã bao gồm Phí bảo hiểm cơ bản sản phẩm chính, Phí bảo hiểm đóng thêm và Phí bảo hiểm sản phẩm bổ sung/bổ trợ.
- Số tiền thể hiện ở cột “Khoản tiền rút ra dự kiến” là số tiền được giả định là Khách hàng rút ra từ giá trị Tài khoản hợp đồng và Phí rút một phần giá trị Tài khoản hợp đồng sẽ được khấu trừ vào giá trị Tài khoản hợp đồng.
- Phí bảo hiểm rủi ro trong minh họa này không bao gồm phần phí tăng vì lý do sức khỏe.
- Khoản khấu trừ chi phí hàng tháng bao gồm Phí bảo hiểm rủi ro của sản phẩm chính và của (các) sản phẩm bổ sung/bổ trợ và Phí quản lý hợp đồng.
- Bên mua bảo hiểm phải đóng phí để đảm bảo giá trị Tài khoản hợp đồng luôn lớn hơn Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Các giá trị nêu trong các bảng minh họa bên trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi phụ thuộc vào phí bảo hiểm thực đóng của Khách hàng, định kỳ đóng phí, thời điểm đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Để biết thông tin chính xác giá trị Tài khoản và tình trạng của Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng nên thường xuyên theo dõi Hợp đồng bảo hiểm của mình tại địa chỉ website <https://kh.dai-ichi-life.com.vn/> hoặc ứng dụng Dai-ichi Connect.
- Giá trị hoàn lại được xác định dựa trên giá trị Tài khoản hợp đồng ngay ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Hợp đồng bảo hiểm bị chấm dứt sớm, Khách hàng có thể nhận được số tiền ít hơn số phí đã đóng.
- Lãi suất đầu tư dự kiến được tính tại Tài liệu minh họa bán hàng là lãi suất công bố dự kiến trên cơ sở hàng năm và được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Lãi suất này chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Hợp đồng sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung An Tâm Song Hành là một cam kết dài hạn, do vậy, quyền lợi sản phẩm chỉ được hiện thực hóa khi Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ và liên tục trong dài hạn. Bên mua bảo hiểm cần cân nhắc khi hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn vì các khoản chi phí ban đầu rất cao. Việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ/chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- Bên mua bảo hiểm cần phải đóng phí đầy đủ và đúng thời hạn. Nếu đóng phí không đầy đủ, không đúng hạn sẽ dẫn đến Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực. Khi Bên mua bảo hiểm khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền chấp nhận hoặc từ chối khôi phục nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm không thỏa điều kiện tham gia bảo hiểm.
- Bên mua bảo hiểm cần tự đánh giá tất cả các quyền lợi theo hợp đồng của mình, hiểu rõ cách phân bổ phí bảo hiểm, các khoản chi phí khấu trừ hàng tháng và ảnh hưởng của khoản chi phí này đối với quyền lợi của mình.
- Bên mua bảo hiểm cần chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Bên mua bảo hiểm muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, vui lòng liên hệ với Dai-ichi Life Việt Nam hoặc đại lý bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam.
- Các giá trị trong Tài liệu minh họa bán hàng này là không cam kết và chỉ nhằm mục đích minh họa.
- Các loại Phí trong Hợp đồng bảo hiểm này có thể thay đổi nhưng không vượt quá mức quy định tối đa. Nếu vượt quá mức tối đa, các loại Phí này phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính.
- Việc tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ sung/bổ trợ không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm chính và việc tham gia này có thể sẽ ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản hợp đồng.
- Việc Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm kê khai thông tin không đầy đủ và không trung thực khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh hợp đồng, Dai-ichi Life Việt Nam có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm và không chi trả bất kỳ quyền lợi bảo hiểm nào.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi ký tên dưới đây xác nhận:

- 1- Tôi đã được thông tin về công cụ tính phí – xây dựng kế hoạch bảo hiểm trên Trang thông tin điện tử của Dai-ichi Life Việt Nam tại địa chỉ website <https://dai-ichi-life.com.vn>.
- 2- Tôi đã được tư vấn, giải thích chi tiết, đã đọc và hiểu rõ Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm, điều khoản loại trừ, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, cũng như các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này và tôi xác nhận không có bất kỳ thắc mắc, đề nghị làm rõ nào đối với nội dung tại Tài liệu minh họa bán hàng đã nêu trên.
- 3- Tôi đã hiểu rõ rằng:
 - Tài liệu minh họa bán hàng này được tính toán dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm được thẩm định ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm và Phí bảo hiểm rủi ro thực tế sẽ tùy thuộc vào kết quả thẩm định của Dai-ichi Life Việt Nam và do đó có thể làm thay đổi các giá trị Tài khoản hợp đồng và Giá trị hoàn lại của hợp đồng.
 - Giá trị Tài khoản hợp đồng tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra thực tế, và vì vậy giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực khi phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên hoặc khi giá trị Tài khoản hợp đồng nhỏ hơn Khoản khấu trừ hàng tháng và Khoản nợ (nếu có) kể từ Năm hợp đồng thứ 5 trở đi.
- 4- Tôi đã hiểu rõ đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa bán hàng này.
- 5- Tôi tự nguyện và đồng ý tham gia sản phẩm này.

Lưu ý: Trường hợp Yêu cầu bảo hiểm nhân thọ được nộp bằng hệ thống nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm trực tuyến, Bên mua bảo hiểm và đại lý bảo hiểm/nhân viên của đại lý bảo hiểm tổ chức sẽ thực hiện xác nhận Tài liệu minh họa bán hàng này bằng việc ký tại Phiếu Xác nhận Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm dữ liệu điện tử, thay vì ký tại Tài liệu này.

Ngày ký: ____/____/____

Ngày ký: ____/____/____

Chữ ký: _____

Chữ ký: _____

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn
A

Đại lý bảo hiểm: Product
Dummy Agent

Mã số đại lý: 158424

Tài liệu minh họa bán hàng của sản phẩm bảo hiểm này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các trang và các trang có cùng số tài liệu minh họa.